

Bản án số: 58/2022/HS-PT
Ngày 14-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Bùi Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Chuyên-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 42/2022/TLPT-HS ngày 18 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Võ Văn H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2022/HSST ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bị cáo có kháng cáo:

Võ Văn H, sinh năm 1972 tại Quảng Trị

Nơi cư trú và có hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T và bà Lê Thị S; có vợ là bà Trần Thị C và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; được tại ngoại “có mặt”.

Ngoài ra còn có các bị hại ông Hồ Như Đ bà Nguyễn Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đến vụ án nhưng không có kháng cáo, kháng nghị và không xem xét nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2006, bị cáo Võ Văn H nhận chuyển nhượng một Thửa đất số 348-tờ bản đồ số 20-diện tích $417,6m^2$ của hộ bà Lê Thị N, tọa lạc tại khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, được Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AĐ 975808, số vào sổ cấp GCNQSD đất số H00511/QSDĐ/4839/QĐUB ngày 28/7/2006 cho bị cáo.

Tháng 03/2007, bị cáo chuyển nhượng một phần phía sau của thửa đất số 348 cho vợ chồng ông Nguyễn Duy Á bà Trương Thị Thanh H với diện tích $98,1m^2$ và vợ chồng ông Á bà H đã được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ số AH 104135, số vào sổ cấp giấy CNQSD đất số H00336/QSDĐ/2443/QĐUB ngày 26/6/2007; đồng thời cũng chuyển nhượng một phần phía sau của Thửa đất số 348 trên cho vợ chồng ông Vòng Mẫn P bà Huỳnh Thị Hoa H với diện tích $97,8m^2$ và vợ chồng ông P bà H cũng đã được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ số AH 104136, số vào sổ cấp giấy CNQSD đất số H00335/QSDĐ/2444/QĐUB ngày 26/6/2007. Diện tích 02 phần đất đã chuyển nhượng này đã được chỉnh lý trang 4 trừ vào phần diện tích $417,6m^2$ của Thửa đất số 348.

Tháng 03 năm 2014, do bị mất GCNQSDĐ của Thửa đất số 348 nên bị cáo làm thủ tục xin cấp lại. Ngày 22/4/2014, UBND thành phố Đ cấp lại giấy CNQSDĐ số BP585248, số sổ CH 05261/QSDĐ/976/QĐUB cho Thửa đất số 348, tuy nhiên lại thể hiện đầy đủ phần diện tích là $417,6m^2$ mà không trừ đi phần diện tích đất mà bị cáo đã chuyển nhượng trước đó cho các vợ chồng ông Á bà H, ông P bà H.

Đến tháng 03/2015 bị cáo tiếp tục chuyển nhượng cho các bị hại ông Hồ Như Đ bà Nguyễn Thị T phần diện tích phía trước (còn lại) của Thửa đất số 348 với diện tích $221,7m^2$ với giá 140 triệu đồng. Ngày 11/3/2015 hai bên đã tiến hành làm hợp đồng công chứng việc chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng Bình Phước thuộc phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Khi làm hợp đồng công chứng, do thời điểm này Thửa đất số 348 lại đang trong diện quy hoạch nên không tách thửa được, hai bên thỏa thuận chấp nhận ghi trong hợp đồng chuyển nhượng với diện tích là $417,6m^2$ nhưng thỏa thuận với nhau khi nào các bị hại tách thửa được sẽ trả lại phần đất còn lại cho bị cáo.

Đến tháng 02 năm 2018, do cần tiền để trả nợ, bị cáo nảy sinh ý định lừa chuyển nhượng phần đất phía sau của Thửa đất số 348 là phần đất mà trước đó bị cáo đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Á bà H và vợ chồng ông P bà H cho các bị hại để lấy số tiền số tiền 75 triệu đồng. Sau khi biết được phần đất phía sau của Thửa đất số 348 mà bị cáo chuyển nhượng sau này cho mình vào năm 2018 là đất của người khác, ngày 07/12/2020, bị hại

đã làm đơn tố cáo bị cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra của Công an thành phố Đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2022/HSST ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Võ Văn H phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 50 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn H 02 (hai) năm tù; thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án. Ngoài ra, còn xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, bị cáo Võ Văn H có đơn kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo. Đơn kháng cáo của bị cáo trong phạm vi và trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm thể hiện như sau: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo Võ Văn H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Võ Văn H đã hoàn toàn thừa nhận việc phạm tội và hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã xác định. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đầy đủ căn cứ để xác định bị cáo phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[2] Xét kháng cáo về yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo Võ Văn H, thấy rằng: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại cho các bị hại và được bị hại làm đơn “bãi nại” yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình quá khó khăn, là lao động chính trong gia đình, nhiều người con còn nhỏ là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm đơn của bị hại Hồ Như Đ yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo và cung cấp thêm xác nhận bị cáo hiện nay có nơi cư trú và công việc ổn định của Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị; ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi thường trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là có đầy đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật và phù hợp với chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước mà cũng không gây nguy hiểm cho xã hội và không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, cần chấp

nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, sửa một phần án sơ thẩm về hình phạt theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

[3] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo Võ Văn H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm nên không được chấp nhận.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Võ Văn H không phải chịu.

[5] Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo Võ Văn H,

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2022/HSST ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước về hình phạt.

2. Tuyên bố bị cáo Võ Văn H phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Võ Văn H 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 14/9/2022.

Giao bị cáo Võ Văn H cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

4. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Võ Văn H không phải chịu.

6. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Toà án nhân dân TP. Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đ;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Đ;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Đ;
- Chi cục Thi hành án Dân sự TP. Đ;
- UBND xã Gio Châu, H. Gio Linh, Quảng Trị;
- Cổng thông tin điện tử Toà án nhân dân tối cao;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Nhân